#### **ĐẶC TẢ CÁC USECASE TRONG USECASE “QUẢN LÝ TÀI KHOẢN”**

#### **Đặc tả “UC001-Tạo khóa học”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC001 | Tên use case | Quên mật khẩu |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Khôi phục quyền truy cập vào tài khoản khi người dùng quên mật khẩu. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng chọn tùy chọn "Quên mật khẩu" trên giao diện đăng nhập. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Người dùng đã có tài khoản trên hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Hệ thống hiển thị giao diện yêu cầu thông tin khôi phục mật khẩu (ví dụ: email, số điện thoại). 2. Người dùng nhập thông tin khôi phục. 3. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin. 4. Hệ thống gửi mã xác thực hoặc liên kết đặt lại mật khẩu đến thông tin liên hệ đã đăng ký. 5. Người dùng sử dụng mã xác thực hoặc liên kết để đặt lại mật khẩu mới. 6. Hệ thống cập nhật mật khẩu mới và thông báo cho người dùng. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Thông tin khôi phục không hợp lệ: Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại.  4a. Không thể gửi mã xác thực/liên kết: Hệ thống thông báo lỗi và đề xuất người dùng liên hệ hỗ trợ. | | |
| Hậu điều kiện | * Người dùng có thể đăng nhập bằng mật khẩu mới. | | |

#### **Đặc tả “UC002-Thay đổi mật khẩu”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC002 | Tên use case | Thay đổi mật khẩu |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Cho phép người dùng thay đổi mật khẩu hiện tại. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng chọn tùy chọn "Thay đổi mật khẩu" trong phần cài đặt tài khoản. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Hệ thống hiển thị giao diện thay đổi mật khẩu. 2. Người dùng nhập mật khẩu hiện tại, mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới. 3. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mật khẩu mới (ví dụ: độ dài, độ phức tạp). 4. Hệ thống kiểm tra mật khẩu hiện tại có đúng không. 5. Hệ thống cập nhật mật khẩu mới và thông báo cho người dùng. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Mật khẩu mới không hợp lệ: Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại.  4a. Mật khẩu hiện tại không đúng: Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại | | |
| Hậu điều kiện | * Người dùng đăng nhập bằng mật khẩu mới. | | |

#### **Đặc tả “UC003-Đăng nhập tài khoản”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC003 | Tên use case | Đăng nhập tài khoản |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Cho phép người dùng truy cập vào tài khoản của mình. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng nhập thông tin đăng nhập (tên đăng nhập/email và mật khẩu) trên giao diện đăng nhập. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Người dùng đã có tài khoản trên hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập. 2. Người dùng nhập tên đăng nhập/email và mật khẩu. 3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập. 4. Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống cho phép người dùng truy cập vào tài khoản. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Thông tin đăng nhập không hợp lệ: Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại. | | |
| Hậu điều kiện | * Người dùng truy cập vào giao diện chính của ứng dụng. | | |

#### **Đặc tả “UC004-Đăng ký tài khoản”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC004 | Tên use case | Đăng ký tài khoản |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Tạo tài khoản mới cho người dùng. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng chọn tùy chọn "Đăng ký" trên giao diện đăng nhập. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Không có. | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng ký. 2. Người dùng nhập thông tin cá nhân (ví dụ: tên, email, mật khẩu, ...). 3. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin. 4. Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống tạo tài khoản mới và thông báo cho người dùng. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Thông tin không hợp lệ (ví dụ: email đã tồn tại, mật khẩu yếu): Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại. | | |
| Hậu điều kiện | * Người dùng có tài khoản mới và có thể đăng nhập. | | |

#### **Đặc tả “UC005-Xóa tài khoản”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC005 | Tên use case | Xóa tài khoản |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Xóa tài khoản người dùng khỏi hệ thống. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng chọn tùy chọn "Xóa tài khoản" trong phần cài đặt tài khoản. | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Người dùng đã đăng nhập. | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Hệ thống yêu cầu xác nhận việc xóa tài khoản (ví dụ: nhập mật khẩu). 2. Hệ thống xóa tài khoản và dữ liệu liên quan (tùy theo chính sách của ứng dụng). 3. Hệ thống thông báo cho người dùng (nếu người dùng tự xóa). | | |
| Luồng sự kiện thay thế | Không có | | |
| Hậu điều kiện | * Tài khoản người dùng bị xóa khỏi hệ thống. | | |

#### **Đặc tả “UC006-** **Thay đổi thông tin”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC006 | Tên use case | Thay đổi thông tin |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mục đích sử dụng | Thay đổi thông tin tài khoản. | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người dùng chọn tùy chọn "Thay đổi thông tin" | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Người dùng phải đăng nhập tài khoản. | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Hệ thống hiển thị thông tin cần thay đổi. 2. Người dùng điền thông tin. 3. Hệ thống kiểm tra thông tin. 4. Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống tiến hành lưu thông tin và thông báo. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Thông tin không hợp lệ: Hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại. | | |
| Hậu điều kiện | * Thông tin được cập nhật | | |

#### **Đặc tả “UC007-Xóa tài khoản cho người dùng”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã use case | UC007 | Tên use case | Xóa tài khoản cho người dùng |
| Tác nhân | Quản trị viên | | |
| Mục đích sử dụng | Xoá tài khoản người dùng theo yêu cầu của quản trị viên | | |
| Sự kiện kích hoạt | Người quản trị viên thực hiện xoá tài khoản | | |
| Điều kiện tiên quyết | * Người quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống với quyền thích hợp | | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | 1. Người quản trị viên tìm kiếm tài khoản người dùng cần xóa. 2. Người quản trị viên chọn chức năng xóa tài khoản. 3. Hệ thống yêu cầu xác nhận xóa (có thể yêu cầu mật khẩu quản trị viên hoặc lý do xóa). 4. Người quản trị viên xác nhận xóa. 5. Hệ thống xóa tài khoản người dùng và các dữ liệu liên quan (tùy theo chính sách). 6. Hệ thống hiển thị thông báo xóa thành công. | | |
| Luồng sự kiện thay thế | 3a. Thông tin không hợp lệ: Hệ thống thông báo lỗi.  4a. Người quản trị viên huỷ thao tác xoá. | | |
| Hậu điều kiện | * Tài khoản người dùng bị xóa khỏi hệ thống và không thể khôi phục được | | |